UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phụ lục 8

KINH PHÍ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG TRONG 01 NĂM ĐỐI VỚI HỘI NGƯỜI CAO TUỔI, HỘI CHỮ THẬP ĐỎ CẤP XÃ THEO DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT HĐND THÀNH PHỐ

(Kèm theo Tờ trình của UBND Thành phố)

STT	Chức danh	Số đơn vị hành chính cấp xã	Kinh phí hỗ trợ hoạt động đối với Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ trong 01 năm theo Nghị quyết 12/2008/NQ-HĐND *ĐVT: 1.000đ*	Kinh phí hỗ trợ hoạt động đối với Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ trong 01 năm theo dự thảo Nghị quyết HĐND TP *(ĐVT: 1.000đ)*	Chênh lệch kinh phí trong 01 năm *(ĐVT: 1.000đ)*
	Tổng cộng:	**579**	**11.580.000**	**34.740.000**	**23.160.000**
1	Hoàn Kiếm	18	360.000	1.080.000	720.000
2	Hai Bà Trưng	18	360.000	1.080.000	720.000
3	Ba Đình	14	280.000	840.000	560.000
4	Đống Đa	21	420.000	1.260.000	840.000
5	Tây Hồ	8	160.000	480.000	320.000
6	Thanh Xuân	11	220.000	660.000	440.000
7	Cầu Giấy	8	160.000	480.000	320.000
8	Hoàng Mai	14	280.000	840.000	560.000
9	Long Biên	14	280.000	840.000	560.000
10	Nam Từ Liêm	10	200.000	600.000	400.000
11	Bắc Từ Liêm	13	260.000	780.000	520.000
12	Hà Đông	17	340.000	1.020.000	680.000
13	Thanh Trì	16	320.000	960.000	640.000
14	Gia Lâm	22	440.000	1.320.000	880.000
15	Đông Anh	24	480.000	1.440.000	960.000
16	Sóc Sơn	26	520.000	1.560.000	1.040.000
17	Ba Vì	31	620.000	1.860.000	1.240.000
18	Sơn Tây	15	300.000	900.000	600.000
19	Thạch Thất	23	460.000	1.380.000	920.000
20	Phúc Thọ	21	420.000	1.260.000	840.000
21	Đan Phượng	16	320.000	960.000	640.000
22	Hoài Đức	20	400.000	1.200.000	800.000
23	Quốc Oai	21	420.000	1.260.000	840.000
24	Chương Mỹ	32	640.000	1.920.000	1.280.000
25	Thanh Oai	21	420.000	1.260.000	840.000
26	Thường Tín	29	580.000	1.740.000	1.160.000
27	Ứng Hoà	29	580.000	1.740.000	1.160.000
28	Phú Xuyên	27	540.000	1.620.000	1.080.000
29	Mỹ Đức	22	440.000	1.320.000	880.000
30	Mê Linh	18	360.000	1.080.000	720.000